

01

Trang

6

10

15

23

32

38

46

52

61

77

DÂN TỘC HỌC

VIỆN DÂN TỘC HỌC
PHÒNG
THÔNG TIN TƯ LIỆU
TRUNG ƯƠNG

1981

ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

ĐỒNG BẢO THÁI NGHỆ TỈNH TRONG PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP CUỐI THẾ KỶ XIX

MIỀN núi Nghệ Tĩnh là một địa bàn cộng cư của nhiều dân tộc thiểu số, trong đó người Thái chiếm một bộ phận khá lớn. Người Thái cư trú chủ yếu ở vùng Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Quế Phong, giáp phía nam Thanh Hóa.

Cùng với người Thổ, người Thái đến sinh sống ở miền núi Nghệ Tĩnh sớm hơn các dân tộc thiểu số khác. Nhóm Thái đến đầu tiên (vào khoảng thế kỷ XI) là nhóm ở Mường Nọc (Quế Phong), sau lan rộng ra thành hai trung tâm khác: Châu Tiến (Quỳnh Châu) và Khun Tinh (Quỳnh Hợp). Một số nhóm ở vùng Cửa Rào trên sông Nam Pao (ngọn sông Lam) hay các nhóm ở Tương Dương, Con Cuông tới muộn hơn (khoảng thế kỷ XIV)⁽¹⁾.

Người Thái gồm ba ngành chính là Tây Mường, Tây Thanh (hay Mán Thanh) và Tây Muoi, trong đó Tây Mường là nhóm đông đảo nhất ở Nghệ Tĩnh. Tây Mường còn gọi là Tây Chiềng, nghĩa đen là người Thái ở mường, ở chiềng. Chiềng được xem như trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của một mường. Tây Mường có cơ cấu không thống nhất, gồm nhiều nhóm nhỏ hợp thành.

Truyền thuyết Thái kể rằng họ Sầm đã đưa người Thái từ Tây Bắc Việt Nam qua Lào xuống đây để tránh bị đe dọa và loạn lạc. Vì thế họ Sầm có quyền đòi hỏi làm Chủ Hủa trông nom việc tế lễ mà trung tâm ở chùa Chín Gian (Mường Nọc). Chủ Hủa cũng đồng thời là chủ đất (an nhạ).

Nhưng "tránh hồ gặp chó sói", "tránh nắng mặt trời lại rất mặt vì lửa", đến đây đồng

bảo Thái lại gặp phải những điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên và xã hội. Cuối thế kỷ XIX, bên cạnh giặc Pháp, miền tây Nghệ Tĩnh còn là nơi tranh giành quyền lợi giữa các tập đoàn phong kiến Nguyễn - Xiêm. Đó là chưa kể tới nạn cướp bóc, hoành hành của bọn chúa đất địa phương và giặc Cờ Vàng. Chính hoàn cảnh ấy đã sớm hun đúc cho đồng bào Thái truyền thống đoàn kết, can củ lao động, dũng cảm trong đấu tranh để dựng xây và bảo vệ bản mường.

Đến sinh sống ở vùng đất mới không lâu đồng bào Thái Nghệ Tĩnh đã nhanh chóng tham dự và có nhiều đóng góp to lớn vào quá trình đấu tranh giữ nước, chống giặc ngoại xâm của toàn dân tộc.

Vào giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (thế kỷ XV), Lê Lợi đã từng rút quân về miền núi Nghệ Tĩnh để củng cố lực lượng, mộ thêm binh sĩ. Chỉ sau một thời gian ngắn, "ủy lao các tù trưởng, võ về dân của họ" Lê Lợi đã tuyển được 5.000 trai tráng của các dân tộc thiểu số vào hàng ngũ nghĩa quân. Trên cơ sở lực lượng được bổ sung, và với

(1) Xem: Các dân tộc ở người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc). NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 146-147.

(2) Nguyễn Trãi. Toàn tập, NXB KHXH, Hà Nội, 1976, tr. 56.

sự giúp đỡ của đồng bào thiểu số, Lê Lợi đã chỉ huy nghĩa quân đánh tan thành Trà Long vào cuối năm Giáp Thìn (1424). Chính giặc Minh cũng phải thừa nhận sự ủng hộ tích cực của nhiều tù trưởng người Thái ở miền núi Nghệ Tĩnh đối với lãnh tụ nghĩa quân Lam Sơn⁽¹⁾.

Tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm của đồng bào Thái nghệ Tĩnh càng được phát huy mạnh mẽ trong công cuộc kháng Pháp cuối thế kỷ XIX. Như chúng ta đã biết, sau sự biến ở kinh thành Huế vào đêm 1/7/1885, rạng sáng ngày 5/7/1885, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ngược phía Bắc ra tới sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị). Sau đó vượt đèo Mai Lĩnh, xuyên qua các bản người thiểu số bên kia dãy Trường Sơn, rồi lại trở lại sườn đông đến sơn phòng Ấu Sơn (Hà Tĩnh) vào cuối tháng 8/1885. Tại sơn phòng Ấu Sơn, Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương lần thứ hai, ngày 20/9/1885, kêu gọi sĩ phu và nhân dân đứng lên chống Pháp và triều đình bù nhìn Đồng Khánh. Về phía giặc Pháp, từ cuối tháng 7-1885 chúng đổ bộ lên Quảng Bình chiếm thành Đồng Hới chặn đường Hàm Nghi ra Bắc. Giữa tháng 8/1885, đại tá Sô-mông (Chaumont) được lệnh đem quân từ Đà Nẵng, theo sông Lam ra chiếm thành Vinh. Bọn quan quân đầu hàng, nhưng da số vẫn thần Nghệ Tĩnh vẫn tiếp tục kéo lên các sơn phòng chuẩn bị kháng chiến. Tháng 2/1886, quân Pháp lập căn cứ ở chợ Đồn và cửa sông Gianh, chiếm thành Hà Tĩnh, sông Ngân Sâu và chuẩn bị tấn công cần quét, hồng bắt vua Hàm Nghi, lĩnh hầu của phong trào chống Pháp lúc bấy giờ.

Cũng từ mùa Xuân 1886 trở đi, nhân dân các dân tộc thiểu số ở Nghệ Tĩnh nói chung và đồng bào Thái nói riêng bắt đầu tiến hành cuộc kháng chiến bền bỉ và kiên quyết dưới ngọn cờ của Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhạ và Cầm Bá Thước. Hướng ứng chiếu Cần Vương, Nguyễn Xuân Ôn treo ấn từ quan, về quê tổ chức khởi nghĩa tại Đồng Thông (Diễn Châu, Nghệ Tĩnh). Một trong những phó tướng quan trọng nhất của ông là phó bảng Lê Doãn Nhạ, lúc đó đang giữ chức sơn phòng chánh sử, đóng tại thành Mục Diên (Đồn Vàng) thuộc phủ Anh Sơn. Theo lệnh của Tôn Thất Thuyết, từ lâu Lê Doãn Nhạ đã chiêu binh khẩn hoang, tu bổ thành Mục Diên, tích cực chuẩn bị kháng chiến. Ông đã được sự ủng hộ mạnh mẽ của đồng bào Thái ở Con Cuông, Tương Dương. Bài

về dưới đây đã nói lên khi thể hùng công của nghĩa quân do ông chỉ huy:

« Năm ni Ất Dậu (1885) mùa Xuân
Sơn phòng quan chánh nội quân Đồn Vàng...
... Đò nghi nhưng, dài dẽ,
Đò khi giới rõ ràng,
Voi ngựa đi bai hàng,
Quân lính lữ năm, lữ bảy,
Tả hữu tướng tá
Có quân Ôt, quân Không,
Cùng đồng tâm nhất nhất... »⁽²⁾.

Dưới ngọn cờ của Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhạ, phong trào chống Pháp của đồng bào thiểu số phía nam miền núi Nghệ An đã bùng nổ mạnh mẽ, tiêu biểu là phong trào của đồng bào Thái ở Con Cuông do Quân Bông lãnh đạo.

Quân Bông (còn gọi là Hầu Bông) là một tù trưởng người Thái. Quân Bông quê ở Thường Xuân (Thanh Hóa), nơi thường xuyên diễn ra những cuộc tranh giành đất đai giữa các tù trưởng thiểu số. Khi giặc Xá (giặc cỏ Lào) từ Sầm Tó đánh sang chiếm đất, Quân Bông phải đưa người Thái chạy dạt xuống Nghĩa Đàn rồi kéo lên Con Cuông sinh cơ lập nghiệp. Sau một thời gian tổ chức dân Thái khai hoang, ông đã nắm quyền quản lý cả vùng đất rộng lớn ở Môn Sơn, Lục Đà (Con Cuông). Để duy trì và bảo vệ cuộc sống của dân bản ở vùng đất mới, Quân Bông đã tổ chức được một đội quân gồm các trai tráng có tài võ nghệ. Khi biết tin Lê Doãn Nhạ đang chuẩn bị kháng chiến, Quân Bông đã đem đội quân của mình theo ông hiệp đồng chống Pháp. Được sự giúp đỡ và chỉ đạo trực tiếp của Lê Doãn Nhạ, Quân Bông chiêu mộ thêm binh sỹ, sắm sửa vũ khí, lương thực rồi kéo quân lên chốt ở Kim Mỹ, cách Con Cuông 5km, để phòng quân Pháp bao vây Đồn Vàng. Tiếp đó ông cho nghĩa quân khẩn trương xây dựng vùng Mục Diên thành căn cứ kháng chiến. Dựa vào địa thế núi rừng hiểm trở, nghĩa quân tiến hành đào đắp một hệ thống hào lũy khá vững chắc, chạy dài trên 3km, cứ cách 20 mét đặt

(1) Lê Văn Lồ. *Bước đầu tìm hiểu các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong sự nghiệp giữ nước và dựng nước*. NXB Khoa học xã hội Hồ Nội, 1973. tr. 79-80.

(2) Nguyễn Đồng Chi, Ninh Viết Giao, *Hát dặm Nghệ Tĩnh*, tập II, Sử học, Hà Nội, 1962, tr. 58.

một ô phòng thủ gồm súng hỏa mai, dao kiếm và tên tầm thuốc độc. Với hệ thống công sự này, quân Quân Bông có thể kiểm soát được cả đường bộ lẫn đường sông trong toàn khu vực.

Đi đôi với việc xây dựng căn cứ, Quân Bông còn cử người đi vận động đồng bào thiểu số ở các huyện Tân Kỳ, Tương Dương, Con Cuông, Kỳ Sơn tham gia nghĩa quân, giúp đỡ lương thực, chuẩn bị chiến đấu. Sau một thời gian ngắn được nhân dân hết lòng ủng hộ, lực lượng nghĩa quân đã lên tới hàng trăm người. Nghĩa quân được phân chia thành 5 đội, mỗi đội khoảng 50 người, chia thành hai bộ phận. Một bộ phận trực tiếp chiến đấu tại đồn Kim Mực, còn một bộ phận vừa huấn luyện, vừa sản xuất vũ khí tại hậu cứ Cẩm Sơn. Trang bị vũ khí của nghĩa quân gồm một số súng kíp, súng hỏa mai, còn hầu hết là giáo mác. Sau mấy tháng xây dựng và củng cố lực lượng, đến cuối năm 1885 Quân Bông đem quân tiến về xuôi phối hợp với nghĩa quân Nguyễn Xuân Ôn tiêu diệt quân Pháp trong các trận ở Đồn Kiều (Nghị Kiều, Nghị Vộc), trận Bảo Nham (Bảo Thành, Yên Thành), trận Cầu Đạo (Diễn Cát, Diễn Châu). Trong trận kịch chiến ở Cầu Đạo, do so sánh lực lượng quá chênh lệch nên nghĩa quân bị tổn thất lớn. Do đó, Quân Bông phải cho nghĩa quân rút về căn cứ Mực Điền. Đến Mực Điền, Quân Bông tiến hành củng cố lực lượng tăng cường huấn luyện tập, chuẩn bị cho những trận chiến đấu mới.

Khoảng đầu năm 1887, tranh thủ lúc bọn Pháp đang phải phân tán lực lượng để đối phó với những cuộc phản công ác liệt của nghĩa quân Nguyễn Xuân Ôn, Quân Bông chớp thời cơ đem quân tấn công vào Đồn Dừa. Nghĩa quân chia làm hai mũi, một mũi đánh từ phía nam lên, một mũi tiến từ phía bắc xuống rồi bao vây Đồn Dừa. Tiếp đó Quân Bông cho quân lính tẩm nhựa thông vào đầu mè rồi đốt cho mè lao vào đồn giặc; mặt khác cho quân chuyển thuốc nổ vào trong đồn và khai hỏa bất ngờ, làm cho quân giặc hoảng loạn⁽¹⁾. Lợi dụng lúc bọn giặc đang hoang mang cực độ, Quân Bông đem toàn bộ nghĩa quân ào ạt xông vào đồn đánh giáp lá cà. Trước sức tiến công như vũ bão của quân ta, quân giặc không sao chống cự nổi. Trong khoảnh khắc, nghĩa quân đã chiếm được Đồn Dừa, đẩy quân Pháp xuống vùng đồng bằng.

Tháng 5-1887, Nguyễn Xuân Ôn chẳng may sa vào tay giặc trong khi phong trào kháng

chiến ở Nghệ Tĩnh đang trên đà lớn mạnh. Trong tình thế bị cô lập, Lê Doãn Nha cũng bỏ sang Lào, rồi qua Xiêm (Thái Lan). Lợi dụng cơ hội đó, quân Pháp từ Bảo Nham (Yên Thành) kéo lên tấn công thành Mực Điền, rồi thừa thắng đánh thẳng lên đồn Kim Mực và Đồn Dừa. Do so sánh lực lượng quá chênh lệch, nghĩa quân Quân Bông không giữ nổi căn cứ, buộc phải rút về phía nam theo đường sông Lam. Quân Bông cùng một số nghĩa quân đưa dân bản chạy về Khe Choáng rồi vượt sông Lam sang Linh Cảm (Hà Tĩnh). Sau khi đến khe Xí Lợi, Quân Bông lại cùng với chủ là Quân Thế tập hợp dân bản ở Khe Chè, tích trữ lực lượng. Mãi sau này, giặc Pháp mới tìm bắt được ông. Chúng ra sức dụ dỗ, mua chuộc ông, nhưng không được. Cuối cùng, thực dân Pháp phải tha ông. Ông đã cùng dân bản sống trong cảnh bất hợp tác với giặc cho tới những năm tháng cuối đời mình.

Từ khi đội nghĩa quân Quân Bông tan rã, và nhất là sau sự kiện Nguyễn Xuân Ôn bị bắt, phong trào chống Pháp của đồng bào Thái Nghệ Tĩnh có phần lắng xuống. Nhưng chẳng bao lâu, tiếng súng kháng chiến lại bùng nổ vang động khắp núi rừng miền tây Nghệ Tĩnh.

Lúc bấy giờ, ở vùng núi phía nam Thanh Hóa xuất hiện một thủ lĩnh chống Pháp nổi tiếng, đó là Cầm Bá Thước. Cầm Bá Thước là người Thái, nhưng cũng là thủ lĩnh của người Mường. Cuộc kháng chiến của ông ở miền núi Thanh Hóa và nhất là sau khi ông trở thành một tướng lĩnh của Phan Đình Phùng, đã góp phần lôi cuốn và thúc đẩy mạnh mẽ phong trào chống Pháp ở miền núi Nghệ Tĩnh. Dưới ngọn cờ của Cầm Bá Thước và được sự giúp đỡ trực tiếp của ông, phong trào kháng chiến của đồng bào Thái Nghệ Tĩnh ngày càng phát triển mà nổi bật nhất là phong trào của Đốc Hạnh, Đốc Thiết ở Quý Châu, Quế Phong.

Đốc Hạnh người dân tộc Thái, tên thật là Lang Văn Hạnh, quê ở bản Kẽ Bọ, Tân Lạc (nay thuộc xã Châu Hạnh, huyện Quý Châu), xuất thân trong một gia đình giàu có, giỏi võ nghệ. Trước đó, Đốc Hạnh làm quản bản nên còn gọi là Quản Hạnh. Khi giặc Pháp

(1) Xem: Đỗ Quang Hưng, *Một số tư liệu về miền núi Nghệ Tĩnh trong phong trào chống Pháp cuối thế kỷ XIX*, Tư liệu Ban Nghiên cứu lịch sử Nghệ Tĩnh.

kéo lên xâm chiếm bản mường. Đốc Hạnh đã cùng Đốc Thiệt tập hợp lực lượng, tổ chức đồng bào Thái và đồng bào các dân tộc thiểu số khác đánh Pháp.

Đốc Thiệt vốn là bạn của Đốc Hạnh, tên thật là Lang Văn Thiệt, quê ở Gia Hội (nay thuộc xã Châu Hội, Quý Châu). Địa vị xã hội của Đốc Thiệt cũng giống Đốc Hạnh. Hai ông đều là chúa đất và đã bị bọn quan quân hàng phủ cướp mất. Đốc Thiệt có bốn anh em, ông là cả, còn lại ba em gái. Cô em út Lang Thị Tư là vợ của Cầm Bá Thước. Do vậy, Đốc Thiệt càng có điều kiện gần gũi và sớm tiếp thu được tinh thần yêu nước, căm ghét giặc ngoại xâm của Cầm Bá Thước.

Sau khi dập tắt phong trào khởi nghĩa của Nguyễn Xuân Ôn (ở Nghệ Tĩnh) và phá vỡ căn cứ Ba Đình, Hồng Lĩnh (ở Thanh Hóa), thực dân Pháp tăng cường can thiệp, mở rộng phạm vi đánh chiếm lên các vùng thượng du của hai tỉnh. Yêu cầu khách quan của phong trào kháng chiến lúc đó là phải có sự phối hợp, liên hệ chặt chẽ những phong trào đấu tranh lẻ tẻ ở các vùng thành một phong trào rộng lớn, nhằm chặn đứng những đòn tiến công của quân thù.

Bởi vậy, sau khi đã thỏa thuận với Cầm Bá Thước, Đốc Hạnh cùng Đốc Thiệt đem quân về các vùng Đồng Lạc, Tân Lạc, Gia Hội, Thanh Nga, tích cực xây dựng căn cứ, chuẩn bị phối hợp đánh Pháp.

Đốc Hạnh xây đồn ở Bù Cầm, trên một dãy núi khá cao, án ngữ khu vực sông Hiếu và con đường chạy xuống Nghĩa Đàn. Ngoài ra, ông còn cho dựng các đồn lẻ quanh dãy núi Phá Dải, cách Bù Cầm 2Km.

Đốc Thiệt đóng quân ở đồn Đò Ham, ven sông Hiếu. Cạnh Đò Ham còn có những hang đá lớn như hang Hẹ, hang Tùng Cơm. Dựa vào vị trí đó, nghĩa quân có thể ngăn chặn các cuộc hành binh của quân Pháp lên phía tây Nghệ Tĩnh và nam Thanh Hóa. Để có lập giặc Pháp, Đốc Thiệt cho nghĩa quân lên rừng lấy gỗ, nửa, bện dây song rồi đem về chắn ngang sông Hiếu, không cho bọn đầu hàng giặc chở lương thực, lâm sản quý xuống Nghĩa Đàn nộp cho Pháp. Bài về dưới đây đã kể lại khá tỉ mỉ những hoạt động ấy:

« Đốc Thiệt người khôn khéo sáng tạo, Người chiêu binh lập ấp đóng đồn Đò Ham. Có cả Đội Dương, Kế Ninh⁽¹⁾ cùng qua Đốc Thiệt hợp quân, Đốc Thiệt cho quân vào rừng lới chạc song. Chạc song ta kéo qua sông rộng dài.

Ai đi qua không dừng, lính tới giết ngay. Ai đem đồ quý ngà voi, mặt ong, gỗ quý nạp quan Tây.

Lính yêu cầu người đó đem ngay trở về. Không nghe ông chêm lia đầu kẻ gian⁽²⁾ ».

Được sự giúp đỡ của đồng bào Thái và các dân tộc thiểu số ở các huyện Quý Châu, Quý Hợp, Quý Phong, nghĩa quân Đốc Hạnh, Đốc Thiệt ngày càng lớn mạnh. Nghĩa quân được phiên chế thành 6 đội, mỗi đội có chừng 200 người. Đội 1 và đội 2 đóng tại đồn Bù Cầm và hậu cứ Phá Dải, đặt dưới quyền của Đốc Hạnh. Còn 3 đội khác thì chốt ở Đò Ham, do Đốc Thiệt chỉ huy. Đội thứ 6 đóng quân tại hậu cứ Tùng Cơm, do Đội Dung cầm đầu. Đội này có nhiệm vụ thường xuyên vận chuyển lương thực, trang bị vũ khí ra căn cứ Trinh Vạn cho nghĩa quân Cầm Bá Thước. Trang bị vũ khí của nghĩa quân Đốc Thiệt rất thô sơ, hầu hết là giáo mác và cung tên.

Trong bộ chỉ huy nghĩa quân, ngoài Đốc Hạnh và Đốc Thiệt, còn có Quân Thông và Quân Thụ, là hai tướng lĩnh dày dạn kinh nghiệm và đã có công đánh đuổi giặc Xá trước đây.

Quân Thông tên thật là Lang Văn Ot, người Thái, quê ở Hủa Na (nay là xã Thông Thụ, huyện Quý Phong). Năm 1880, giặc Xá tràn sang Kim Sơn (Mường Nọc) phá hoại bản mường, ông đã tập hợp trai tráng chống giặc. Lực lượng ít không chống nổi, ông phải đưa dân bản chạy về khe Mọt. Sau nhờ Đốc Thiệt giúp đỡ, Quân Thông đã đánh tan giặc Xá ở Bù Xan Pôn, đuổi chúng về phía tây biên giới.

Quân Thụ tên là Quảng Văn Thụ (tức Lang Văn Thụ). Trước đó, ông đã từng làm quan ở phủ Quý Phong. Khi giặc Pháp kéo lên, ông đã từ quan đi theo Đốc Thiệt kháng chiến.

Cuối 1887, Quân Thông và Quân Thụ kéo quân về Quý Phong hiệp đồng tác chiến với Đốc Hạnh, Đốc Thiệt. Dưới sự chỉ đạo của Đốc Thiệt, hai ông đã xây dựng đồn trại ở Mường Pồn (Kim Diên) nhằm bảo vệ toàn bộ vùng Quý Phong. Quân Thụ một mặt giả vờ nhận dẫn đường cho quân Pháp lên tấn công Đốc Thiệt, mặt khác cho người về mặt bảo

(1) Đội Dương là thủ hạ của Đốc Thiệt, kéo quân từ Kế Ninh (chưa xác định rõ vị trí) về phối hợp đánh Pháp.

(2) Về Đốc Thiệt. Tài liệu LV564b. Tư liệu khoa Sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội.

với nghĩa quân chuẩn bị đón đường phục kích. Khi quân Pháp vừa kéo đến gần Đò Ham, liền bị nghĩa quân bất ngờ xông ra tiêu diệt. Trong trận này quân Đốc Thiệt thu thắng lợi lớn mà ít hao tổn sức lực.

Vào những năm 1888 - 1890, phong trào kháng Pháp ở miền núi Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh vẫn tiếp tục phát triển. Ở vùng Trịnh Vạn, Đốc Thiệt điều quân sang hiệp đồng tác chiến với Cầm Bá Thước. Ông phái Đội Dung, là viên đội giỏi nhất của mình, sang đóng đồn ngay ở *Nà Cá* (thuộc xã Thanh Lâm, Thường Xuân). Ngoài ra, ông còn gửi hàng chục gánh quần áo, lương thực sang Thanh Hóa giúp Cầm Bá Thước. Đặc biệt trong trận ác chiến ở *suối Tật*, nghĩa quân Đốc Thiệt đã đóng góp không ít phần máu xương của mình vào sự nghiệp cứu nước.

Nhờ những hoạt động chống Pháp tích cực trong nhiều năm, Đốc Hạnh và Đốc Thiệt được Cầm Bá Thước phong chức Đốc binh. Sau khi được phong chức, Đốc Hạnh và Đốc Thiệt càng ra sức phát triển lực lượng, mở rộng phạm vi hoạt động của nghĩa quân ra hầu khắp các huyện miền tây Nghệ Tĩnh.

Lúc bấy giờ, hai cánh quân của Đề Niên và Đề Vinh (bộ phận còn lại của nghĩa quân Nguyễn Xuân Ôn) liên tiếp tấn công quân Pháp ở vùng Cây Chanh, Đồng Cốc, Anh Sơn, và đang có xu hướng hợp quân với Phan Đình Phùng đánh thẳng xuống đồng bằng Hà Tĩnh.

Phối hợp với Đề Niên và Đề Vinh, Đốc Hạnh và Đốc Thiệt đã chặn quân Pháp ở Đò Ham vào cuối tháng 4/1890. Đốc Thiệt nhiều lần thân chinh đem những toán quân nhỏ, trang bị nhẹ, đi thuyền xuôi xuống Nghĩa Đàn đó la và tập kích địch. Có lần, Đốc Thiệt cùng 5 cai đội xuôi bè về vùng đồng bằng để thu thập tình hình địch. Khi đến sông Vọng thì gặp bọn lính Pháp đang đi tuần, Đốc Thiệt bất ngờ hạ lệnh nổ súng, tiêu diệt tại chỗ nhiều tên, số còn lại tháo chạy về hàng phủ cầu cứu.

Tháng 7/1890, Đốc Thiệt lại phối hợp với Đề Niên và Đề Vinh tập kích quân Pháp ở phủ Quỳnh Châu. Trong trận này, tri phủ Sầm Văn Hào thoát chết. Sau đó ít lâu, Hào hăm hực viết thư đe dọa Đốc Thiệt và đòi ông phải dời bỏ hàng ngũ kháng chiến. Nhưng ông đã khảng khái trả lời:

«Ta như nguồn nước trong khe
Đổ ai cắt được mạch nối về với sông...».

Ông còn nói: «Chúng ta như khe nước chảy hai lạch». Một thời gian khá dài, vì còn lúng túng đối phó với phong trào ở đồng bằng Nghệ Tĩnh, thực dân Pháp chỉ có thể thông qua bọn tay sai để chia rẽ, phá hoại phong trào. Vốn là một tên tay sai quý quyết, Sầm Văn Hào cuối cùng cũng tìm cách mua chuộc được Đốc Hạnh khi tiếng súng kháng Pháp ở Nghệ Tĩnh và Thanh Hóa đang suy giảm dần.

Tại Thanh Hóa, nghĩa quân Cầm Bá Thước ngày càng gặp nhiều khó khăn. Để có thể phối hợp tốt với Cầm Bá Thước, nhất là trong điều kiện Đốc Hạnh đã mất tác dụng, Đốc Thiệt quyết định bỏ Đò Ham, đưa quân về Thanh Nga xây dựng căn cứ mới. Đồng thời ông điều đội quân ở Quế Phong do Quân Thông, Quân Thụ trực tiếp chỉ huy về đóng chốt ở *Bù Choai* (nay là Bù Cho), để sẵn sàng chi viện cho Cầm Bá Thước. Tại Bù Choai, Quân Thông và Quân Thụ cho quân lính đào ụ ngụy sự, xây dựng chiến lũy, đồng thời tổ chức tập kích quân Pháp trên đường vào *chịra Đột* và đánh đồn *Thổ Sơn*.

Sau một thời gian đưa quân đi dần áp phong trào kháng chiến ở đồng bằng Nghệ Tĩnh, đến giữa tháng 8/1894, thực dân Pháp tập trung lực lượng, quyết tâm tiêu diệt nghĩa quân Cầm Bá Thước ở Trịnh Vạn. Trước tình hình đó, Đốc Thiệt chia nghĩa quân thành các đội nhỏ, rồi phối hợp với Cầm Bá Thước tổ chức phục kích tiêu diệt địch trên đường chống tiến công vào căn cứ. Trong trận chặn địch ở *Đá Giăng* (Nghĩa Đàn) quân Đốc Thiệt bị tổn thất nặng. Đội Dung và phần lớn nghĩa quân đã anh dũng hy sinh. Bộ phận nghĩa quân còn lại buộc phải rút lui về *Pù Đồn*.

Khoảng cuối năm 1894, quân Pháp tiến vào căn cứ Trịnh Vạn, và đánh tỏa ra nhiều nơi. Cầm Bá Thước chủ trương cho dân bản và nghĩa quân rút lui về phía nam giáp Nghệ An (cũ). Thực dân Pháp cho quân truy lùng dọc theo sông Chu, rồi đến Bù Cho. Tại đây đã xảy ra trận huyết chiến giữa đội quân của Quân Thông, Quân Thụ với lính khố xanh và quân Pháp. Biết sức yếu không thể giữ được, hai ông bèn cho quân rút khỏi Bù Cho. Nhưng nghĩa quân chưa ra khỏi vòng vây đã bị quân Pháp chặn đánh kịch liệt. Trong trận này nghĩa quân bị tiêu diệt gần hết. Quân Thông bị thương, rồi sau đó chạy về quê, còn Quân Thụ thì mất tích. Sau khi căn cứ Trịnh Vạn tan vỡ, những toán quân cuối cùng của Đốc Thiệt cũng bị tiêu diệt. Còn Đốc Thiệt thì bị

(Xem tiếp trang 77)

người da đen. Vì vậy đôi khi người ta gọi thuyết cơ cấu ethnic là thuyết xóa bỏ tệ phân biệt chủng tộc (desegregation).

Các nhà xã hội học nước ngoài quan tâm tìm hiểu ảnh hưởng của cơ cấu xã hội-tộc người của các tộc người tiếp xúc với nhau nên họ muốn tìm cách nghiên cứu sâu sắc hơn các mối quan hệ giữa các tộc người. Song không phải lúc nào họ cũng thực hiện được một cách hoàn hảo. Chẳng hạn, Dzh. Simson và Dzh. Minton Inger sau khi đã nhận thấy «ảnh hưởng đáng kể» của địa vị giai cấp-xã hội đối với cá nhân cũng tán thành với V.Barber cho rằng: «Có lẽ, các vai trò khác có ý nghĩa quan trọng hơn để hình thành cá nhân» (1).

Cũng có không ít các nhà nghiên cứu nói chung từ chối tìm kiếm một quan điểm nào đó để nghiên cứu các mối quan hệ giữa các cá nhân và họ đã đặt nhiệm vụ nhằm đưa ra những gợi ý đối với chính sách hòa giải các cuộc xung đột trong những tình huống cụ thể.

Nhưng chính việc tích lũy tư liệu theo kiểu kinh nghiệm chủ nghĩa trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học nào đó đều cần phải khái quát lại. Chỉ khi nào quyết định được các khâu quyết định trong toàn bộ các hiện tượng tác động lẫn nhau và xem xét chúng

trong mối quan hệ biện chứng thì mới hiểu được kinh nghiệm lịch sử muốn màu mỡ về của các mối quan hệ lẫn nhau giữa các dân tộc và mới có thể giải thích được nó.

Các mối quan hệ dân tộc được hình thành nên giữa các dân tộc là kết quả của những điều kiện xã hội. Chẳng hạn, những đặc điểm chủ yếu của hệ thống chính trị-xã hội như: chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất, cơ cấu chính trị của xã hội, toàn bộ những giá trị về chính trị-tinh thần của nhân dân Xô viết. Đó là các yếu tố của vi môi trường (microstreda N.D.). Cái chung đối với tất cả các dân tộc sống trên lãnh thổ Liên Xô còn là những yếu tố như: chính sách của nhà nước nhằm thực hiện sự bình đẳng thực sự về kinh tế và văn hóa, sự hoạt động của Đảng và Nhà nước về mặt giáo dục-chính trị, việc tuyên truyền tình hữu nghị giữa các dân tộc, sự tôn trọng đối với tất cả các dân tộc, đối với cái quá khứ và cái hiện tại liên bộ của họ. Việc giáo dục quan điểm giai cấp và quan điểm khoa học nghiêm túc trong việc đánh giá lịch sử của các dân tộc có ý nghĩa quan trọng.

(Còn nữa)

(1) Dzh Simson - Dzh Minton Inger. - Sách đã dẫn tr. 439.

Đồng bào Thái Nghệ Tĩnh trong phong trào...

(Tiếp theo trang 62)

bên tay sai Sầm Văn Hạo giết hại tại đồn Thanh Nga.

Trong suốt 10 năm liên tục chiến đấu (từ 1885 đến 1894), phong trào Đốc Thiệt đã thực sự đóng vai trò trung tâm và trở thành nơi quy tụ các hoạt động chống Pháp của đồng bào Thái và của nhiều dân tộc thiểu số ở miền tây Nghệ Tĩnh. Thông qua Đốc Thiệt và đội nghĩa quân của ông, phong trào kháng Pháp miền núi Nghệ Tĩnh ngày càng lan rộng,

và phối hợp chặt chẽ với cuộc kháng chiến của Cầm Bá Thước ở vùng núi phía nam Thanh Hóa, tạo thành «thiên la địa võng» vây bọc quân thù.

Tuy cuối cùng thất bại, nhưng các hoạt động cứu nước của Đốc Thiệt cùng các tướng lĩnh và đội nghĩa quân là niềm vinh dự, niềm tự hào chính đáng của đồng bào Thái Nghệ Tĩnh và của cả dân tộc ta.

MỤC LỤC*Trang*

MAC ĐUÔNG	Vấn đề dân cư và dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long trong thời cổ đại	1
PHẠM VĂN VANG	Vấn đề xây dựng vùng kinh tế mới ở miền núi	10
NGUYỄN ANH NGỌC	Về một vài vấn đề nương rẫy ở vùng cao	16
CHU THÁI SƠN	Một số phong tục E-đê liên quan đến nước và lửa	22
MAH MOD	Nghề đánh cá của đồng bào Chăm Châu Đốc	30
PHAN YẾN TUYẾT	Bước đầu tìm hiểu loại hình nhà ở tại vùng đồng bằng sông Cửu Long	37
VŨ LỢI	Đôi nét về tập tục tang ma Mông	45
NGUYỄN VIỆT	Suy nghĩ về yếu tố sông nước trong văn hóa Việt Nam	52
NGUYỄN VĂN KHÁNH	Đồng bào Thái Nghệ Tĩnh trong phong trào chống Pháp cuối thế kỷ XIX	58
NGUYỄN ĐÌNH KHOA	Loại hình nhân chủng và nguồn gốc lịch sử người Kơ-me Nam Bộ	63
PHAN VĂN DỐP	Tộc người Ra-glai và vấn đề chủ nhân dân đá	69
L.M. DROBIZHEVA	Bàn về việc nghiên cứu những khía cạnh tâm lý - xã hội của các mối quan hệ dân tộc	72

SOMMAIRE

		<i>Page</i>
MAC DUONG	Du peuplement et de la situation ethnique du delta du Mékong aux temps antiques.	1
PHAM VAN VANG	De l'édification de nouvelles zones économiques.	10
NGUYEN ANH NGOC	Quelques problèmes de la pratique du ray dans les hautes régions.	16
CHU THAI SON	Différentes coutumes Ede relatives à l'eau et au feu.	22
MAH MOD	La pêche chez les Chams de Châu Đốc.	30
PHAN YEN TUYET	Introduction à l'étude des types d'habitations du delta du Mékong.	37
VU LOI	Notices sur les coutumes funéraires Mnongs.	45
NGUYEN VIET	Réflexions sur un élément de la culture Vietnamiennne les cours et étendues d'eau.	52
NGUYEN VAN KHANH	Les Thais du Nghê Tinh dans la lutte contre les colonialistes français à la fin du XIX ^e siècle.	54
NGUYEN DINH KHOA	Type anthropologiques et ethnogenese des Khmers du Nam Bô.	63
PHAN VAN DOP	Quelques réflexions sur les rapports entre les Raglais et les lithophones.	69
L.M. DROBIEVA	Sur l'étude des aspects socio-psychologiques des rapports interethniques.	72